

GIAO THƯƠNG NỘI ĐỊA GIỮA KHU VỰC ĐÔNG BẮC VIỆT NAM VÀ QUẢNG TÂY - TRUNG QUỐC VÀO NỬA SAU THẾ KỶ XVII

Yoshikawa Kazuki*

1. Lời nói đầu

Những năm gần đây đã có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu và làm sáng tỏ về sự phồn thịnh của thương mại trên biển của Việt Nam vào thế kỷ XVII.⁽¹⁾ Tuy nhiên, thương mại nội địa trong thời kỳ này vẫn chưa được quan tâm thỏa đáng, cũng như tầm quan trọng của nó chưa được đánh giá đúng mức,⁽²⁾ một phần vì sự thiếu vắng thông tin trong các bộ chính sử. Ở giai đoạn sau, trong quá trình đánh giá lại lịch sử Đông Nam Á từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX thì vấn đề hoạt động của người Hoa ở Đông Nam Á được nhiều học giả chú ý. Khái niệm “*Thế kỷ của người Hoa*” (the Chinese century) được học giả Anthony Ried khởi xướng⁽³⁾ để chỉ sự năng động và vai trò của người Hoa trong khu vực vào giai đoạn này. Từ nửa cuối thế kỷ XVII, chính quyền Lê - Trịnh đã nhiều lần đặt ra các quy định quản lý về địa điểm cư trú, nơi giao dịch..., tuy nhiên số người Hoa nhập cư vẫn ngày càng tăng lên.⁽⁴⁾ Vào nửa sau thế kỷ XVIII, đã có tới hàng chục nghìn người Hoa tham gia vào việc khai mỏ ở miền núi phía Bắc Việt Nam.⁽⁵⁾ Hoạt động của người Hoa như trên đã thúc đẩy sự truyền bá của hỏa khí sang miền núi phía Bắc Việt Nam⁽⁶⁾ đồng thời gia tăng nhu cầu về lương thực và nhu yếu phẩm cho đời sống thường ngày, khuyến khích các nghề phụ như nghề trồng bông trong khu vực lân cận phát triển.⁽⁷⁾ Những chủ đề nghiên cứu trên của các học giả đi trước đã dần làm sáng tỏ sự ảnh hưởng rất lớn của các hoạt động của người Hoa đến xã hội bản địa ở miền núi phía Bắc Việt Nam.

Hiện trạng của thương mại nội địa vào nửa sau thế kỷ XVII vẫn chưa được làm sáng tỏ, nên bối cảnh sự bắt đầu của “*Thế kỷ của người Hoa*” ở phía Bắc Việt Nam vẫn chưa thực sự được rõ ràng. Theo các công trình nghiên cứu về lịch sử di cư của người Hoa thì trước khi có số lượng lớn di dân di cư từ một khu vực đã khai thác sang một khu vực chưa được khai thác, thì trước đó giới thương lái buôn bán hàng rong đã đi lại, tức là tuyến đường giao thương đã được hình thành giữa hai bên từ trước đó.⁽⁸⁾ Như vậy, khi chúng ta khảo cứu tình hình của “*Thế kỷ của người Hoa*” ở miền Bắc Việt Nam từ góc nhìn này, thì cần làm rõ bối cảnh khu vực trước đây của nó.

* Đại học Quốc gia Osaka, Nhật Bản.

Theo cách tiếp cận, nghiên cứu như trên, tác giả tập trung phân tích tình hình của khu vực Lạng Sơn,⁽⁹⁾ với lý do cả về mặt địa lý và tình hình tư liệu. Khu vực Lạng Sơn nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, giáp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Vì vậy, Lạng Sơn là khu vực thích hợp để phân tích thực trạng của thương mại nội địa giữa miền Bắc Việt Nam và tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Hơn nữa, ở khu vực Lạng Sơn, tư liệu văn khắc phong phú hơn các khu vực khác, dựa vào đó có thể biết được tình hình vào nửa sau thế kỷ XVII. Bài viết này trước hết khảo cứu phố chợ (market town) đầu tiên ở khu vực Lạng Sơn, tức là phố Kỳ Lừa, tiếp đó làm sáng tỏ hoạt động của thương nhân Trung Quốc qua giao thông nội địa giữa tỉnh Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam để từ đó phác họa thực trạng của nền thương mại nội địa giữa miền Bắc Việt Nam và tỉnh Quảng Tây vào nửa sau thế kỷ XVII.

2. Phố Kỳ Lừa ở khu vực Lạng Sơn vào nửa sau thế kỷ XVII

2.1. Tình hình khu vực Lạng Sơn vào nửa sau thế kỷ XVII

Người dân ở khu vực Lạng Sơn phần lớn là cư dân miền núi (hiện nay được gọi là người Tày và người Nùng). Thời Lê trung hưng, do quyền lực của chính quyền Lê - Trịnh chưa thâm nhập sâu vào khu vực miền núi nên chính quyền cai trị bằng chế độ phiên thần. Về mặt hình thức, chính quyền Lê - Trịnh ban quan tước cho tù trưởng bản địa làm phiên thần, chấp nhận cho họ cai trị cư dân. Nhưng trên thực tế, chính quyền Lê - Trịnh không can thiệp sâu nếu họ không gây ra mâu thuẫn gì với chính quyền trung ương, vì vậy phiên thần vẫn có tính độc lập cao và vị trí của phiên thần cũng được thực hiện theo hình thức cha truyền con nối.⁽¹⁰⁾

Về mặt giao thông đường thủy, sông Kỳ Cùng chảy theo hướng đông nam - tây bắc ở khu vực Lạng Sơn, thuộc lưu vực sông Tây Giang (Trung Quốc), đóng vai trò chủ yếu trong giao thông đường thủy trong lịch sử,⁽¹¹⁾ là trục kết nối giữa khu vực Lạng Sơn với tỉnh Quảng Tây và tỉnh Quảng Đông. Về mặt giao thông đường bộ, khu vực Lạng Sơn nằm trên đường đi sứ Trung Quốc,⁽¹²⁾ ở vị trí trung gian giữa Thăng Long và Quảng Tây. Thành phố Lạng Sơn hiện nay là vị trí giao nhau giữa đường thủy và đường bộ nên là địa điểm quan trọng về mặt giao thông trong khu vực này. Chính vì thế nơi trung tâm buôn bán được gọi là *phố* (庸) đã hình thành lần đầu tiên cũng là tại đây.

Từ khi triều đình nhà Lê bắt đầu rối loạn vào đầu thế kỷ XVI đến thời kỳ nội chiến giữa nhà Mạc và nhà Lê, chính quyền ở Thăng Long đã không có lực lượng kiểm soát chính ở khu vực miền núi, và có lẽ ngay sau khi nhà Lê thu phục Thăng Long vào năm 1592 cũng vậy. Thêm vào đó, dư đảng của nhà Mạc đã lập căn cứ ở khu vực Cao Bằng giáp với Lạng Sơn để tiến hành các hoạt động chống nhà Lê. Chính quyền Lê - Trịnh không thể lập tức dẹp yên được họ, vì đồng thời cần phải dành lực lượng cho nội chiến với chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Sau khi ngưng chiến

với chúa Nguyễn ở Đàng Trong vào năm 1672, chính quyền Lê - Trịnh đã tập trung lực lượng để tiêu diệt dư đảng của nhà Mạc ở Cao Bằng vào năm 1677.⁽¹³⁾ Sau sự kiện này không thấy hoạt động quân sự quy mô lớn nào ở khu vực này được ghi trong các bộ chính sử, nên có thể nói tình hình vùng biên giới Việt - Trung cuối thế kỷ XVII đã dần trở nên ổn định.

2.2. Sự ra đời của phố Kỳ Lừa

Năm 1717, chúa Trịnh Cương ra sắc lệnh cho phép người nước ngoài cư trú ở 5 phố⁽¹⁴⁾ trong đó có phố Kỳ Lừa với lý do là người Hoa đã cư trú ở những địa điểm này từ lâu,⁽¹⁵⁾ đây là sự xuất hiện phố đầu tiên ở Lạng Sơn trong các nguồn tài liệu. Điều này cho thấy vào nửa sau thế kỷ XVII thương nhân Trung Quốc đã dần bắt đầu đến cư trú ở phố Kỳ Lừa. Theo *Đồng Khánh địa dư chí*, phố Kỳ Lừa nằm ở vị trí hữu ngạn của sông Kỳ Cùng trong khu vực trung tâm của thành phố Lạng Sơn hiện nay.⁽¹⁶⁾ Nguyễn Tông Khuê, một trong những thành viên của đoàn sứ bộ khởi hành từ Thăng Long vào tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741),⁽¹⁷⁾ khi đi qua phố Kỳ Lừa trên đường đi sứ, cũng miêu tả rằng “*trong phố rộng, sát đường quan, ngang qua đường cửa hàng mọc san sát, nhà cửa và cửa hàng đan xen nhau. Những hàng hóa xa lạ từ Quảng Đông, Quảng Tây tụ tập [ở chợ], cái gì cũng có, người dân Nam Bắc [Việt Nam và Trung Quốc] cư trú, giao dịch*”.⁽¹⁸⁾ Ghi chép này cho biết, đã có hàng quán cố định và người dân Việt - Trung cùng nhau cư trú, buôn bán ở phố Kỳ Lừa. *Lạng Sơn Đoàn thành đồ* cũng ghi rằng “thổ” (người dân bản địa) và “khách” (người Hoa) đan xen nhau, chợ được họp mỗi tháng 6 phiên.⁽¹⁹⁾ Như vậy, rõ ràng là đến giữa thế kỷ XVIII, phố Kỳ Lừa trở thành phố chợ (market town), bao gồm chợ và các khu dân cư xung quanh nó.

Đại Nam nhất thống chí ghi chép theo lời kể lại, phố Kỳ Lừa được thành lập bởi một viên quan thời Lê, Hán quận công (漢郡公).⁽²⁰⁾ Trong các bộ chính sử, Hán quận công xuất hiện vào năm Chính Hòa thứ 4 (1683) với tên là Thân Công Tài (申公才), giữ chức quan Trấn thủ Lạng Sơn.⁽²¹⁾ Quan Trấn thủ được chúa Trịnh thiết lập thay cho Ty Đô chỉ huy, là chức quan về quân sự và duy trì an ninh.⁽²²⁾ Điều này cho thấy, phố Kỳ Lừa đã có ít nhất là từ thời kỳ này.

Hiện nay ở thành phố Lạng Sơn còn giữ được tấm bia *Tôn sư phụ bi* liên quan đến nhân vật Thân Công Tài.⁽²³⁾ Bia này được khắc vào năm 1683 khi thương nhân Trung Quốc cùng với tù trưởng bản địa (*Phiên tướng* 藩將, *Phụ đạo* 輔導) và cư dân ở 7 phường hợp lực xây dựng đền, mua ruộng đất để duy trì hương hỏa. Theo tấm bia này, Thân Công Tài “*tham dự phủ chúa Trịnh ... mất lúc giờ lành ngày 11 tháng 8 năm..., hưởng thọ 64 tuổi, được gia tặng chức Tả Đô đốc. Có công tích lớn cho Hoàng gia [triều đình nhà Lê], ngày càng được ưu ái, được sai làm quan Trấn thủ Bắc Đạo [tức xứ Kinh Bắc và xứ Lạng Sơn]. Dốc lòng phủ dụ thương yêu dân,*

ngừng các [quy định] phiên hà. Quan, dân khắp vùng đều sợ oai nghiêm ngài, vui sướng tấm ân đức ngài. Thương khách mọi phương đều muốn xin tới buôn bán họp chợ, bán hàng rong ngoài đường...”.⁽²⁴⁾ Bia này không ghi những công việc cụ thể của Thân Công Tài ở khu vực Lạng Sơn, nhưng từ ghi chép trên có thể thấy ông đã khuyến khích hoạt động thương mại ở khu vực Lạng Sơn qua việc giảm miễn thuế khóa. Có lẽ những người lập *Tôn sư phụ bi*, tức là tù trưởng bản địa, thương nhân Trung Quốc, cư dân ở 7 phường đều là những người buôn bán ở phố Kỳ Lừa. Mặt bên phải của tấm bia này liệt kê họ tên của các tù trưởng bản địa (Bảng 1), trong đó có họ Vi ở châu Lộc Bình, họ Nguyễn Đình ở châu Văn Uyên, họ Nguyễn Đình ở châu Thoát Lãng.⁽²⁵⁾

Bảng 1: Các tù trưởng bản địa trên bia *Tôn sư phụ bi*

Quan chức	Họ tên
(1)	(2)
Quan phụng lĩnh, Đô tổng binh sứ ty Đô tổng binh xứ Lạng Sơn, Đô đốc thêm sự phủ Bắc quân đô đốc, Vũ quận công	Vi Đức Thắng
Tổng đốc Phụng thủ khai môn tư vệ thần vũ quân vụ sự, Chấn quận công	Vi Phúc An
□ đốc, Hoàng quận công	Nguyễn Đình Kế
Dương quận công	Bé Quốc Tế
Tham đốc, Hào Tuấn hầu	Nguyễn Khắc Tuấn
Tham đốc, Ninh Xá hầu	Nguyễn Đình Bảo
Tham đốc, □ Lộc hầu	Nguyễn Khắc Ninh
Tham đốc, □ □ hầu	Hoàng Công Minh
Tuyên úy đồng tri, Triều Đông hầu	Hoàng □ □
□ □ □, □ □ hầu	Nguyễn Đình Pháp
Hữu hiệu điểm, □ Phúc hầu	Bé Quốc Đang
Tuyên úy đồng tri, Vạn Hoa hầu	Nông □ □
Tuyên úy sứ, □ □ hầu	Hà □ □
Tuyên úy □, □ □ hầu	Hà □ □
Phụ đạo, □ □ hầu	Hà Công Chính
Phụ đạo, □ □ hầu	□ □ □
Phụ đạo, Triều Tư hầu	Nông Thán Trung
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □
Phụ đạo, Bích Lân hầu	Vi Phú □
Phụ đạo, □ Long hầu	Lương □ □
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □
Phụ đạo, □ □ hầu	Hà Bác Niên
Phụ đạo, Phúc Lộc hầu	□ □ □
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □

(1)	(2)
Phụ đạo, □ □ hầu	Nông Ngọc An
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □
Phụ đạo, □ Nghiêm hầu	Đình Đình □
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □
Phụ đạo, Đàng Lộc hầu	Hoàng □ □
Phụ đạo, Quách Nghĩa hầu	Hà Đức Tuấn
Phụ đạo, □ □ □	□ □ □

Tóm lại, vào giữa thế kỷ XVIII, phố Kỳ Lừa đã trở thành phố chợ và có nhiều người Hoa cư trú từ lâu. Qua lời truyền miệng được *Đại Nam nhất thống chí* ghi lại và bi ký *Tôn sư phụ bi*, về nhân vật Thân Công Tài là quan Trấn thủ Lạng Sơn vào nửa sau thế kỷ XVII đã cho thấy được phố Kỳ Lừa đã tồn tại ít nhất là từ thời điểm này.

3. Hoạt động của thương nhân Trung Quốc ở khu vực Lạng Sơn vào nửa sau thế kỷ XVII

3.1. Sự cư trú của thương nhân Trung Quốc ở khu vực Lạng Sơn

Khảo cứu hoạt động thương mại ở khu vực Lạng Sơn, có lẽ điều đáng chú ý nhất là sự xuất hiện thương nhân Trung Quốc đóng góp để lập tấm bia *Tôn sư phụ bi*. Họ xuất hiện trong tấm bia trên với tên gọi “*thương khách từ mười ba tỉnh của Thượng quốc*” (*Thượng quốc thập tam tỉnh thương khách* 上國十三省商客), hoặc “*thương khách từ mười ba tỉnh của Thiên triều*” (*Thiên triều thập tam tỉnh thương khách* 天朝十三省商客). Cả “Thượng quốc” và “Thiên triều” đều để chỉ Trung Quốc, và “mười ba tỉnh” có lẽ với ý nghĩa là chỉ cả đất Trung Quốc. Tuy nhiên trên thực tế, như sẽ nói ở phần sau, thương nhân Quảng Đông là khu vực chiếm tỷ lệ lớn nhất. Ở mặt bên sau của tấm bia này liệt kê họ tên của họ, mặc dù chỉ đọc được một số chữ vì mờ nhiều, nhưng suy đoán từ kích thước của tấm bia này, có lẽ là khoảng 30 người, đều là những người buôn bán ở phố Kỳ Lừa.

Ngoài ra, tại chùa Thành ở phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn hiện nay còn có một quả chuông đúc tại Phật Sơn⁽²⁶⁾ (tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc) vào năm 1697.⁽²⁷⁾ Mặt thứ nhất của quả chuông này ghi: “*mộ quyên đúc một quả chuông lớn nặng hơn 600 cân, kính đặt trước điện thờ Quan Thánh đế của Hội quán Thập tam tỉnh để cung phụng vĩnh viễn*”.⁽²⁸⁾ Đoạn minh văn trên cho biết, trong thời kỳ này chùa Thành vốn là hội quán của người Hoa, ở đó thờ Quan Vũ. “Thập tam tỉnh” ở đây nghĩa là để chỉ cả đất Trung Quốc cũng như tấm bia về Thân Công Tài đã nói trên.

Trong những người góp tiền để đúc quả chuông này, có quan viên của châu Thoát Lãng và châu Lộc Bình, những người theo Phật giáo (*tín sĩ* 信士, *tín nữ* 信女, *ưu bà di* 優婆夷, *ưu bà tắc* 優婆塞), ngoài ra còn nhiều *tín thương* 信商 (nghĩa là thương nhân theo Phật giáo?) cũng tham gia vào việc đúc quả chuông đó, có thể họ là thương nhân Trung Quốc đang cư trú ở phố Kỳ Lừa trong thời kỳ này.

Thêm vào đó, ở chợ Giếng Vuông (phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn) hiện còn tấm bia đá đề cập đến người Hoa. Tấm bia này được lập khi khánh thành cầu đá Kỳ Lừa vào năm Bảo Thái thứ 5 (1724), theo đó “*người khách từ mười ba tỉnh của Bắc quốc*” góp tiền để xây cầu đá Kỳ Lừa. Điều này cũng chứng tỏ sự cư trú và buôn bán của người Hoa đương thời ở phố Kỳ Lừa.⁽²⁹⁾ Điều đáng chú ý là trong những người góp tiền để đúc chuông chùa Thành có người đóng góp bằng bạc, có người đóng góp bằng tiền đồng.⁽³⁰⁾ Thường thì ở miền xuôi Việt Nam người dân thường sử dụng tiền đồng trong giao dịch, còn ở Trung Quốc thì người dân sử dụng cả bạc và tiền đồng. Như vậy những người đóng góp bằng bạc ở trên có thể là thương nhân Trung Quốc hoặc những người có được bạc qua giao dịch với họ.

3.2. Hoạt động của thương nhân ngoại tỉnh ở tỉnh Quảng Tây

Theo những công trình nghiên cứu về tỉnh Quảng Tây, từ nửa sau thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, thương nhân Trung Quốc, nhất là thương nhân Quảng Đông đã tiến hành mở rộng hoạt động thương mại của họ sang tỉnh Quảng Tây dọc theo tuyến sông, bắt đầu cư trú từ phía đông Quảng Tây, vùng bờ sông Tây Giang sang phía tây Quảng Tây.⁽³¹⁾ Họ thiết lập hội quán tại những nơi trọng yếu trong giao thông đường thủy,⁽³²⁾ chẳng hạn năm 1707 hội quán Việt Đông được thiết lập ở Long Châu, nằm ở phía tây Quảng Tây, kết nối các khu vực Lạng Sơn, Cao Bằng qua tuyến đường sông.⁽³³⁾ Rõ ràng là nửa sau thế kỷ XVII là thời kỳ thương nhân ngoại tỉnh như thương nhân Quảng Đông bắt đầu mở rộng hoạt động thương mại của họ sang tỉnh Quảng Tây dọc theo tuyến sông. Sự cư trú của thương nhân Trung Quốc ở khu vực Lạng Sơn trong thời kỳ này cũng có thể lý giải được trong bối cảnh như trên. Nói cách khác, hoạt động của họ tại khu vực Lạng Sơn nằm trên con đường thương mại kéo dài từ Quảng Tây. Quả chuông đã nói trên hiện còn ở chùa Thành cũng là bằng chứng về hoạt động thương mại của họ. Quả chuông này được đúc tại Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, và có lẽ được vận chuyển từ Phật Sơn đến Lạng Sơn, đây có thể coi là bằng chứng về hoạt động thương mại của thương nhân Trung Quốc giữa tỉnh Quảng Đông và khu vực Lạng Sơn.⁽³⁴⁾ Ở khu vực Cao Bằng, Quan Đế Miếu được xây dựng vào năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678),⁽³⁵⁾ gần như là cùng thời kỳ. Như vậy, thương nhân Trung Quốc lúc này đã mở rộng hoạt động thương mại của mình sang vùng Đông Bắc Việt Nam dọc theo hệ thống giao thông đường thủy.⁽³⁶⁾

3.3. Thương mại nội địa giữa miền Bắc Việt Nam với tỉnh Quảng Tây và vai trò của phố Kỳ Lừa

Tài liệu lịch sử đáng được chú ý khi khảo cứu thương mại nội địa giữa miền Bắc Việt Nam và tỉnh Quảng Tây đó chính là tác phẩm *Hoa Di biến thái* (華夷變態) ở Nhật Bản. *Hoa Di biến thái* là nguồn tư liệu được ghi chép từ những thông tin thu thập bởi thương nhân Trung Quốc khi tới cảng Nagasaki (Nhật Bản), trong đó có thông tin về hoạt động thương mại ở miền Bắc Việt Nam của thế lực Ngô Tam Quế. Theo những thương nhân Trung Quốc sang Nagasaki vào năm 1678 thì Ngô Tam Quế sai thương nhân từ Quảng Tây sang Thăng Long qua đường bộ để mua vải lụa của Việt Nam, vì vải lụa được sản xuất ở Chiết Giang đã không được lưu hành ở các khu vực dưới sự cai trị của thế lực “Loạn Tam phiên” thuộc phía Nam Trung Quốc.⁽³⁷⁾ Tài liệu này không đề cập đến lộ trình cụ thể của họ, nhưng có lẽ họ phải đi qua các khu vực Lạng Sơn, Kinh Bắc để đến Thăng Long mua bán.

Như học giả Nhật Bản Kanda Nobuo đã nêu ra trong công trình nghiên cứu của mình là thế lực “Loạn Tam phiên” khuyến khích hoạt động thương mại,⁽³⁸⁾ vì vậy chắc chắn cũng thúc đẩy giao thương nội địa với miền Bắc Việt Nam. Sự hiện diện của các đồng tiền của thế lực “Loạn Tam phiên” ở Thăng Long cũng chứng minh điều này.⁽³⁹⁾ Mặc dù trong giao dịch giữa thế lực “Loạn Tam phiên” ở phía Nam Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam, qua ngã đường Vân Nam đóng vai trò quan trọng,⁽⁴⁰⁾ nhưng ngã đường Quảng Tây - Lạng Sơn - Thăng Long cũng chắc chắn được sử dụng. Trong ngã đường này, phố Kỳ Lừa với “Hội quán Thập tam tỉnh” có lẽ đóng vai trò trung gian như địa điểm cung cấp những thứ cần thiết hoặc chỗ ở, địa điểm dừng chân.

Không có nguồn tư liệu nào ghi chép thực trạng của hoạt động thương mại ở phố Kỳ Lừa vào nửa sau thế kỷ XVII, nhưng có lẽ muối là một trong những hàng hóa quan trọng. Ở Quảng Tây có nhu cầu lớn về muối vì muối hầu như không sản xuất được ở đó. Vào thời Nam Tống muối đã được buôn bán ở vùng biên giới Việt - Trung.⁽⁴¹⁾ Mặt khác, vào giữa thế kỷ XVIII, muối Việt Nam lưu hành ở phủ Thái Bình, phủ Trấn An ở tỉnh Quảng Tây,⁽⁴²⁾ nên vào nửa sau thế kỷ XVIII thì muối dành cho người dân Quảng Tây là mặt hàng được buôn bán ở phố Kỳ Lừa. Nói cách khác, phố Kỳ Lừa đóng vai trò là địa điểm buôn bán các sản phẩm Việt Nam với thương nhân Trung Quốc.

Đương nhiên, vì luôn có nhu cầu cho thương mại giữa miền Bắc Việt Nam và Quảng Tây, nên giao dịch trong vùng do người dân bản địa đã thường xuyên tiến hành ở vùng biên giới từ thời xưa, nhưng lý do để nửa sau thế kỷ XVII trở thành thời kỳ đánh dấu mốc trong lịch sử thương mại của vùng biên giới Việt - Trung là vì thương nhân ngoại tỉnh như thương nhân Quảng Đông đã mở rộng các hoạt

động của họ sang Quảng Tây và miền núi phía Bắc Việt Nam. Họ có lúc đi qua phố Kỳ Lừa sang Thăng Long để mua các hàng hóa như vải lụa, còn có lúc mua những thứ cần thiết như muối ở các phố chợ ở vùng biên giới rồi quay trở về Quảng Tây bán. Trong bối cảnh đó phố Kỳ Lừa trở thành địa điểm trung gian giữa Thăng Long và Quảng Tây, đồng thời là địa điểm buôn bán các sản phẩm Việt Nam.

4. Kết luận

Sang thế kỷ XVIII, thương nhân Quảng Đông mở rộng hoạt động của họ với quy mô lớn hơn thế kỷ trước, họ mang số lượng lớn gạo Quảng Tây về Quảng Đông.⁽⁴³⁾ Còn ở miền Bắc Việt Nam, hàng chục nghìn người Hoa sang làm phu mỏ ở miền núi ở các khu vực Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng vào nửa sau thế kỷ XVIII phần lớn là người Quảng Đông.⁽⁴⁴⁾ Cho đến thế kỷ XVIII quy mô di chuyển của người dân từ Quảng Đông, Quảng Tây sang miền núi phía Bắc Việt Nam trở nên to lớn.

Về mặt hàng hóa, vào nửa sau thế kỷ XVIII, mặc dù vải lụa Việt Nam hầu như mất thị trường quốc tế,⁽⁴⁵⁾ nhưng số lượng lớn tài nguyên khoáng sản như bạc, đồng đã được xuất khẩu sang Trung Quốc qua Quảng Tây.⁽⁴⁶⁾ Trong bối cảnh này, từ giữa thế kỷ XVIII nhà Thanh chấp nhận thương nhân Trung Quốc sang miền Bắc Việt Nam qua cửa Thủy Khẩu, cửa Bình Nhi, ải Do Thôn. Mặc dù nhà Thanh cấm sự đi lại giữa Việt - Trung tạm thời, nhưng từ năm 1792 lại cho phép qua 3 địa điểm trên và buôn bán ở phố Mực Mã (Cao Bằng), phố Kỳ Lừa, chợ Hoa Sơn (Lạng Sơn).⁽⁴⁷⁾ Chính sách này có lẽ khuyến khích hoạt động thương mại giữa Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam. Như vậy, vào thế kỷ XVIII hoạt động thương mại giữa Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam càng ngày càng phồn thịnh. Có thể nói, giai đoạn nửa sau thế kỷ XVII là giai đoạn chuẩn bị cho xu hướng này.

Năm 1717 chúa Trịnh Cương ra sắc lệnh cho phép người nước ngoài cư trú ở 5 phố, trong đó ngoài phố Kỳ Lừa, còn có phố Mực Mã ở khu vực Cao Bằng, phố Bắc Cạn ở khu vực Thái Nguyên.⁽⁴⁸⁾ Phố Mực Mã, trở thành trung tâm buôn bán ở vùng biên giới Việt - Trung, được nhà Thanh cho phép thương nhân Trung Quốc buôn bán vào năm 1792. Phố Bắc Cạn nằm ở vị trí gần mỏ bạc Tống Tinh (送星) nổi tiếng về hoạt động khai thác của vài chục nghìn người Hoa vào nửa sau thế kỷ XVIII, có lẽ là trung tâm buôn bán các tài nguyên khoáng vật.⁽⁴⁹⁾ Từ nửa sau thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII, những trung tâm buôn bán trên xuất hiện, dựa trên cơ sở của hoạt động thương mại đã và đang phát triển trong thời kỳ này tạo tiền đề cho hoạt động thương mại giữa Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam càng ngày càng phồn thịnh vào thế kỷ XVIII.

Yoshikawa Kazuki

CHÚ THÍCH

- (1) Có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan, tác giả tập trung giới thiệu những công trình tiêu biểu và mới mẻ như: Hoang Anh Tuan. *Silk for Silver: Dutch-Vietnamese Relations, 1637-1700*. Leiden, Brill, 2007; Ilioka Naoko, “The Rise and Fall of the Tonkin-Nagasaki Silk Trade during the Seventeenth Century”. In Nagazumi Yoko (ed.) *Large and Broad: the Dutch Impact on Early Modern Asia*. Tokyo, Toyo Bunko, 2010, pp.46-61; Ilioka Naoko, “The Trading Environment and the Failure of Tongking’s Mid-Seventeenth-Century Commercial Resurgence”. In Nola Cooke, Li Tana and James A. Anderson (eds.) *The Tongking Gulf Through History*, Philadelphia, University of Pennsylvania Press, 2011, pp.117-132.
- (2) Sun Laichen (孫來臣) cũng cho rằng nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á đến nay nghiêng về thương mại trên biển, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc khảo cứu thương mại nội địa. Xem 孫來臣「明末清初の中越関係：理想,現実,利益,実力（代序）」牛軍凱『王室後裔與叛乱者—越南莫氏家族與中国關係研究—』広州、世界図書出版, 2012, pp.1-46 (Tôn Lai Thần, “Minh mạt Thanh sơ đích Trung Việt quan hệ: Lý tưởng, hiện thực, lợi ích, thực lực (Đại tự)” trong Ngưu Quân Khải, *Vương thất hậu duệ dư phản loạn giả: Việt Nam Mạc thị gia tộc dữ Trung Quốc quan hệ nghiên cứu*, Quảng Châu, Nxb Thế giới đồ thư, 2012). Li Tana cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của thương mại đường bộ. Xem Li Tana, “Between Mountains and the Sea: Trades in Early Nineteenth-Century Northern Vietnam”. *Journal of Vietnamese Studies*, 7(2), 2012, pp.67-86.
- (3) Anthony Reid, “Introduction”. In Anthony Reid (ed.) *The Last Stand of Asian Autonomies: Responses to Modernity in the Diverse States of Southeast Asia and Korea, 1750-1900*. New York, ST. Martin’s Press, 1997, pp.1-25; ibid., “Chinese Trade and Southeast Asian Economic Expansion in the Last Eighteenth and Early Nineteenth Centuries”. In Nola Cooke and Li Tana (eds.) *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*. Lanham, Rowman & Littlefield Publisher, 2004, pp.21-34.
- (4) Fujiwara, Riichiro (藤原利一郎). “The Regulation of the Chinese Under the Trinh Regime and Pho Hien”. In *Pho Hien: The Centre of International Commerce in the XVIIth - XVIIIth Centuries*, edited by Association of Vietnamese Historians and People’s Administrative Committee of Hai Hung Province, Hanoi, The gioi Publishers, 1994, pp.95-98; 蓮田隆志「『華人の世紀』と近世北部ベトナム—1778年の越境事件を素材として—」『アジア民衆史研究』10, 2005, pp.76-94 (Hasuda Takashi, ““Thế kỷ của người Hoa” và miền Bắc Việt Nam: Sự kiện vượt qua biên giới vào năm 1778”, *Nghiên cứu lịch sử của dân chúng châu Á*, số 10, 2005).
- (5) 和田博徳「清代のヴェトナム・ビルマ銀」『史学』33-3,4, 1961, pp.119-138 (Wada Hironori, “Bạc Việt Nam và bạc Miến Điện thời nhà Thanh”, *Sử học*, số 33-3 và 4, 1961); Phan Huy Lê, “Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn”, *Nghiên cứu Lịch sử* 51, 52, 53, 1963, tr.40-48, 47-59, 53-64; 鈴木中正「黎朝後期の清との関係（一六八二—一八〇四年）」山本達郎（編）『ベトナム中国関係史—曲氏の抬頭から清仏戦争まで—』東京, 山川出版社, 1975, pp.405-483 (Suzuki Chusei, “Mối quan hệ với nhà Thanh thời Lê trung hưng (1682-1804)” trong Yamamoto Tatsurou (biên soạn) *Lịch sử mối quan hệ Việt Nam và Trung Quốc: sự hưng thịnh của họ Khúc đến chiến tranh Pháp - Thanh*, Tokyo, Nxb Yamakawa, 1975); 孫宏年『清代中越宗藩關係研究』哈爾濱, 黑龍江教育出版社, 2006, pp.166-172 (Tôn Hoàng Niên, *Thanh đại Trung Việt tôn phiến quan hệ nghiên cứu*, Cáp Nhĩ Tân, Nxb Giáo dục Hắc Long Giang, 2006).

- (6) 岡田雅志「山に生える銃—ベトナム北部山地から見る火器の世界史—」秋田茂・桃木至朗編著『グローバルヒストリーと戦争』吹田, 大阪大学出版会, 2016, pp.165-190 (Okada Masashi, “Súng mọc lên ở núi: Lịch sử của hỏa khí nhìn từ miền núi phía Bắc Việt Nam” trong Akita Shigeru và Momoki Shiro (biên soạn) *Lịch sử toàn cầu và chiến tranh*, Suita, Nxb Đại học Osaka, 2016).
- (7) 武内房司「地方統治官と辺疆行政——十九世紀前半期、中国雲南・ベトナム西北辺疆社会を中心に——」小島毅（監修）『近世の海域世界と地方統治』東京, 汲古書院, 2010, pp.171-201 (Takeuchi Fusaji, “Quan thống trị địa phương và việc cai trị biên cương: Xã hội vùng Vân Nam Trung Quốc và vùng Tây Bắc Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XIX” trong Kojima Atsushi (biên soạn) *Thế giới hải vực và việc thống trị địa phương vào thời Cận thế*, Tokyo, Nxb Kyuko, 2010).
- (8) 山田賢『移住民の秩序』名古屋, 名古屋大学出版会, 1995 (Yamada Masaru, *Trật tự của di dân*, Nxb Nagoya, Nagoya).
- (9) Thời Lê trung hưng, đơn vị hành chính cấp tỉnh được gọi là Thừa tuyên, Trấn, Xứ, Đạo, v.v. Trong bài này xin thống nhất gọi là “khu vực”.
- (10) Về phiên thần ở Lạng Sơn, xin xem thêm: Nguyễn Quang Huynh (chủ biên), *Thổ ty Lạng Sơn trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2011; Yoshikawa Kazuki, “Về hai đạo sắc thời Cảnh Hưng liên quan đến phiên thần họ Nguyễn Đình ở châu Thoát Lãng, Lạng Sơn”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2016*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2017, tr.696-704; Yoshikawa Kazuki, “Giới thiệu công văn liên quan đến phiên thần họ Vi ở xã Xuất Lễ, châu Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2017*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2017, tr.657-667.
- (11) Theo ghi chép của *Lạng Sơn Đoàn thành đồ*, từ bến thuyền thành trấn Lạng Sơn đi 4 ngày dọc theo sông Kỳ Cùng thì sẽ đến “nội địa” (tức Trung Quốc). Nguyên văn như sau: “自鎮城津次、至夾內地洋分、江心多有石灘、惟獨木舟・竹筏可通。順流三日、逆流八日” (*Lạng Sơn Đoàn thành đồ*, tờ 17a, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1220).
- (12) Thời nhà Minh, địa điểm mà các sứ bộ Đại Việt vào Trung Quốc là phía đông Quảng Tây. 藤原利一郎「黎朝前期の明との関係（一四二八 - 一五二七年）」山本達郎編『ベトナム中国関係史——曲氏の抬頭から清仏戦争まで——』東京, 山川出版社, 1975, pp.264-170 (Fujiwara Riichiro, “Mối quan hệ của Đại Việt thời Lê sơ với nhà Minh (1428-1527)” trong Yamamoto Tatsuro (chủ biên), *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: từ thời họ Khúc cho đến chiến tranh Pháp - Thanh*, Tokyo, Nxb Yamakawa, 1975)
- (13) Về quá trình chính quyền Lê - Trịnh dẹp yên thế lực họ Mạc, xin xem 牛軍凱『王室後裔與叛乱者—越南莫氏家族與中国関係研究—』広州, 世界図書出版, 2012 (Ngưu Quân Khải, *Vương thất hậu duệ dư phản loạn giả: Việt Nam Mạc thị gia tộc dữ Trung Quốc quan hệ nghiên cứu*, Quảng Châu, Nxb Thế giới đồ thư, 2012).
- (14) Ở Thăng Long, thế kỷ XIX “phố” là đơn vị kinh tế, lúc đầu có nghĩa là một bến, bờ, một đường dọc bờ sông, sau đó chỉ chung một tuyến đường thường đi qua một phường. Nguyễn Thừa Hỷ, *Kinh tế - xã hội đô thị Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, Hà Nội, Nxb Hà Nội, 2010, tr.122. Thực trạng của phố ở vùng khác không rõ, tác giả tạm thời cho rằng phố ở đây cũng tương đương với phố ở Thăng Long, hoặc sự tập hợp của nó, tức là phố chợ (market town).
- (15) Fujiwara, Riichiro (藤原利一郎). “The Regulation of the Chinese Under the Trinh Regime and Pho Hien”, tldđ.

- (16) Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên & Philippe Papin, ed., *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 3, Hà Nội, Nxb Thế giới, 2004, tr.117. Phố Kỳ Lừa nay nằm ở phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn.
- (17) *Đại Việt sử ký toàn thư tục biên*, quyển 4, tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), tr.1109. Về *Đại Việt sử ký toàn thư tục biên*, bài này sử dụng 陳荊和編校『大越史記全書』全三冊、東洋学文献センター, 1984-1986 (Trần Kinh Hòa (biên soạn và hiệu đính) *Đại Việt sử ký toàn thư* (3 tập) Trung tâm Thư mục Đông phương học, Tokyo, 1984 - 1986).
- (18) Nguyên văn như sau: “駟驢勝會。在城之北、隔江十多里。庸中廣開官道、夾道商廛甲乙、居肆參差。東西兩廣異貨輻輳、無物不有、南北之民貨居貿易。乃一方大都勝處。” (阮宗奎『使華叢詠集』九葉表 (『越南漢文燕行文献集成』第二冊, 上海, 復旦大学出版社, 2010, p.149) (Nguyễn Tông Khuê, *Sứ Hoa từng vịnh tập*, tờ 9a (*Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, tập hai, Thượng Hải, Nxb Đại học Phúc Đán, 2010, tr.149).
- (19) *Lạng Sơn Đoàn thành đồ*, tờ 22b. Nguyên văn như sau: “駟驢庸。屬脫朗州、庸舍聯絡、土客雜居。庸有市、每月六番、商賣行貨各物。市東有左府申公祠。京北人、黎時遙領伊鎮、有惠政。人追思之、祠奉事、稔有靈應”。
- (20) *Đại Nam nhất thống chí*, tờ 89b. Nguyên văn như sau: “在脫朗州駟驢庸。相傳、黎鎮官都督府左都督漢郡公、治民有惠政、及開設是舖。後人追思祀之”。 Về *Đại Nam nhất thống chí*, bài này sử dụng bản Đông Dương văn khố (Tokyo, Nhật Bản), ký hiệu X-2-28.
- (21) *Đại Việt sử ký toàn thư tục biên*, quyển 1, năm Chính Hòa thứ 4 (1683), tr.1012.
- (22) Ueda Shinya, “Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích “Lục phiên” trong vương phủ”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 391-392, 2008, tr.58-59.
- (23) Hiện nay bia này được bảo quản trong đền Tả Phủ, đền thờ Thân Công Tài, ở phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn (Tác giả xem trực tiếp vào ngày 14, 15 tháng 3 năm 2013 và ngày 30 tháng 8 năm 2014). Chiều cao 208 cm, chiều dài của bốn mặt đều 75 cm. Viện Nghiên cứu Hán Nôm lưu giữ bản dập (ký hiệu: 44649-44652). Nguyên văn chữ Hán và bản dịch được giới thiệu trong cuốn *Văn hóa Lạng Sơn: Địa dư chí - văn bia - câu đối* (Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.195-198), nhưng cuốn này chỉ giới thiệu ba trong bốn mặt của bia này, không giới thiệu mặt bên phải.
- (24) Nguyên văn như sau: “(1) 安南國諒山處藩將・輔導・官民與上國十三省商客并本國七坊等、爲共立祠碑事。(2) 夫有功德及人、人敬而祠、乃□之當然。茲藩將・輔導及商客・坊等總皆世上賢人。時有(3) 東軍都督府都督同知漢郡公申貴將、爲人寬厚、處己公廉、孝悌行於家、忠勤著於國、參陪(4) 王府、翼負...年八月十一日吉時命終、壽生享齡六十四歲、加贈左都督職。(5) 皇家功大輔成、日隆寵待、奉差爲北道鎮守官。心存撫恤、務止煩苛、闔境官民舉皆憚其嚴、樂(6) 其德。群方商旅咸願藏於市、出於塗、並有啓保。宗爲師父、又相與語曰「吾輩受(7) 公恩德至矣」。與其錦繡華耀、稱誦於一時、曷若黍稷馨香、奉承於萬世。因共立(8) 碑廟、歲時奉祠。”。 Ký hiệu □ là những chữ không thể đọc được, những chữ đặt trong ô vuông là những chữ còn nghi vấn, số trong dấu () để chỉ dòng trong nguyên bản.
- (25) Vy Đức Thắng và Vy Phúc An là thành viên của họ Vy ở châu Lộc Bình, Nguyễn Đình Kế là thành viên của họ Nguyễn Đình ở châu Thoát Lãng, và Nguyễn Đình Bảo, Nguyễn Đình Pháp là thành viên của họ Nguyễn Đình ở châu Văn Uyên. Xem thêm trong: Nguyễn Quang Huynh (chủ biên), *Thổ ty Lạng Sơn trong lịch sử Việt Nam*, sđd.
- (26) Trần Phật Sơn phát triển nghề đúc từ thời Minh. Xin xem 羅一星『明清佛山經濟發展與社會變遷』広州, 広東人民出版社, 1994 (Lã Nhất Tinh, *Minh Thanh Phật Sơn kinh tế phát triển dữ xã hội biến thiên*, Quảng Châu, Nxb Nhân dân Quảng Đông, 1994).

- (27) Hiện nay Viện Nghiên cứu Hán Nôm (có hai bản, ký hiệu 16172a-d và 44635a-d) và Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn (ký hiệu 177/TL) lưu giữ bản rập của quả chuông này. Tác giả xem trực tiếp quả chuông này vào ngày 14 tháng 3 năm 2013 và ngày 28 tháng 12 năm 2014. Nguyên văn chữ Hán và bản dịch đã được giới thiệu trong *Văn hóa Lạng Sơn: Địa dư chí - văn bia - câu đối*, sđd, tr.302-307; Yoshikawa Kazuki, “Hai quả chuông đúc tại Phật Sơn (Quảng Đông) được lưu giữ ở Lạng Sơn và Cao Bằng”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2015*, Hà Nội, Nxb Thế giới, 2016, tr.968-974.
- (28) Nguyên văn như sau: (8) 募鑄洪鐘壹口。重陸佰餘觔 (9) 恭就十三省會館 (10) 關聖帝君殿前、永遠供 (11) 奉。
- (29) Mặt sau của tấm bia này ghi “kê khai rõ công đức của khách nhân từ mười ba tỉnh của Bắc quốc như sau” (*Bắc quốc thập tam tỉnh khách nhân công đức khai trần vu hầu* 北國十三省客人功德開陳于后), sau đó liệt kê họ tên của khoảng 60 người, có lẽ phần lớn là người Hoa. Tấm bia gồm bốn mặt, có kích thước: chiều cao 140 cm, chiều dài của bốn mặt đều 50cm. Bảo tàng Lạng Sơn lưu giữ bản rập bia (ký hiệu: 191/TL). Tác giả trực tiếp xem tấm bia vào ngày 12 tháng 10 năm 2015.
- (30) *Văn hóa Lạng Sơn: Địa dư chí - văn bia - câu đối*, sđd, tr.302-307.
- (31) 塚田誠之『壮族社会史研究—明清時代を中心として—』吹田, 国立民族学博物館, 2000, pp.187-240 (Tsukada Masayuki, *Nghiên cứu lịch sử của xã hội người Choang: Tập trung vào thời Minh và Thanh*, Suita, Bảo tàng Dân tộc học Quốc gia, 2000).
- (32) 滕蘭花『明清時期広西区域開発不平衡研究』北京, 民族出版社, 2011, pp.115-161 (Đặng Lan Hoa, *Nghiên cứu sự mất cân bằng trong khai thác khu vực Quảng Tây thời Minh và Thanh*, Bắc Kinh, Nxb Dân tộc, 2011); 侯宜傑『清代広西城市発展研究』成都, 巴蜀書社, 2011, pp.173-183 (Hầu Tuyên Kiệt, *Nghiên cứu sự phát triển của đô thị Quảng Tây thời Thanh*, Thành Đô, Ba Thục thư xã, 2011).
- (33) 滕蘭花『明清時期広西区域開発不平衡研究』(Đặng Lan Hoa, *Nghiên cứu sự mất cân bằng trong khai thác khu vực Quảng Tây thời Minh và Thanh*), sđd, tr.267-268.
- (34) Yoshikawa Kazuki, “Hai quả chuông đúc tại Phật Sơn (Quảng Đông) được lưu giữ ở Lạng Sơn và Cao Bằng”, tđd.
- (35) *Cao Bằng thực lục*, tờ 47b (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1129). Nguyên văn như sau: “關帝廟。其廟自戊午黎永治三年、鎮所遷居牧馬城、始建廟焉。靈應不泯”
- (36) Hiện nay ở Cao Bằng cũng còn một quả chuông được đúc tại Phật Sơn. Quả chuông này có niên đại Gia Khánh năm thứ 4 (1799), hiện được lưu giữ tại chùa Phổ cũ ở thành phố Cao Bằng. Cũng như quả chuông ở chùa Thành, Lạng Sơn, có lẽ quả chuông này cũng được vận chuyển từ Quảng Đông sang Cao Bằng qua giao thông đường thủy: Tây Giang - Tả Giang - Bằng Giang. Yoshikawa Kazuki, “Hai quả chuông đúc tại Phật Sơn (Quảng Đông) được lưu giữ ở Lạng Sơn và Cao Bằng”, tđd.
- (37) 『華夷変態』卷5, 延寶6年「拾三番東京船之唐人共申口」東洋文庫, 1958, pp.208-209 (*Hoa Di biến thái*, quyển 5, năm Diên Bảo thứ 6 (1678), “Thập tam phiên Đông Kinh thuyền chi Đường nhân cộng thân khẩu”, Tokyo, Đông Dương văn khố, 1958, tr.208-209).
- (38) 神田信夫「三藩の富強の一側面—平南藩を中心として—」『駿台史学』5, 1955, pp.18-30 (Kanda Nobuo, “Một mặt của sự tăng cường của Tam phiên: Tập trung vào phiên Bình Nam”, *Tuấn đài sử học*, số 5, 1955).

- (39) 三宅俊彦・菊池誠一「ベトナム北部の一括出土銭の調査—ベトナム中・近世貨幣流通の実態解明に向けて—」『東南アジア 歴史と文化』38, 2009, pp.211-214 (Miyake Toshihiko và Kikuchi Seiichi, “Cuộc khai quật về các di vật tiền cổ ở miền Bắc Việt Nam: Thực trạng của lưu thông tiền tệ thời trung thế và cận thế Việt Nam”); Hoàng Văn Khoán, “Phát hiện các di vật tiền cổ tại cuộc khai quật khảo cổ khu vực 18 Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội – Trung tâm Hoàng thành Thăng Long xưa”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004-2008)*, Hà Nội, tháng 11/2008, tr.127 (xin trích dẫn từ Đỗ Thị Thùy Lan, *Hệ thống cảng thị sông Đàng Ngoài: Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016, tr.73). Thêm vào đó, vào giữa thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn vẫn lưu giữ số lượng lớn các đồng tiền này. Xin xem 多賀良寛「19世紀ベトナムの銭貨流通における非制銭の位置付け—「古号銭」の問題を中心に—」『待兼山論叢』(史学篇) 49, 2015, p.32 (Taga Yoshihiro, “Vị trí của tiền phi chính thức trong lưu thông tiền tệ ở Việt Nam vào thế kỷ XIX: Vấn đề của ‘tiền cổ hiệu’”, *Machikaneyama Ronso (Sử học)* 49, 2015).
- (40) Theo tờ tâu “Trù Điền thập số” (籌滇十疏) của Thái Dục Vinh (蔡毓榮), Ngô Tam Quế khai thác mỏ đồng ở Vân Nam, đúc tiền đồng, trao đổi với bạc từ Việt Nam ở Ba Sái (壩灑). Xem *Điền Hệ* (滇繫), quyển 8-3, Nghệ văn (『中國方志叢書』139, 成文出版社, 1989, p.695).
- (41) 塚田誠之「唐宋時代における華南少数民族の動向—左・右江流域を中心に—」『史学雑誌』92-3, 1983, pp.50-53 (Tsukada Masayuki, “Hoạt động của dân tộc thiểu số Hoa Nam thời Đường và Tống: Tập trung vào lưu vực Tả Giang và Hữu Giang”, *Tạp chí Sử học* 92-3, 1983).
- (42) Theo *Thanh Cao Tông thực lục* (清高宗実録), quyển 235, Ngày Nhâm Thân tháng 2 năm Càn Long thứ 10 (1745), Tổng đốc Lưỡng Quảng Na Tố Đồ (那蘇圖) cho rằng phủ Trấn An ở Quảng Tây trước đây tiêu dùng “di diêm” (夷鹽) tức muối Việt Nam (惟廣西之鎮安一府、向食夷鹽。今既絕其來路). Còn theo tờ tâu của Tổng đốc Lưỡng Quảng Dương Ứng Cư (楊應琚) vào ngày mùng 2 tháng 5 năm Càn Long thứ 20 (1755), “di diêm” cũng được buôn bán ở phủ Thái Bình (上年二三月間、太平府屬竟有夷鹽越至內地、官民私買). Xem 『宮中檔乾隆朝奏摺』第11輯、国立故宫博物院, 1983, pp.306-307 (*Cung trung đáng, Càn Long triều tấu triệp*, tập 11, Đài Bắc, Viện Bác vật Quốc lập Cổ cung, 1983).
- (43) 稲田清一「「西米東運」考—清代の両広関係をめぐって—」『東方学』71, 1986, pp.90-105 (Inada Seiichi, “Khảo cứu về “Tây mễ Đông vận”: Mối quan hệ giữa Lưỡng Quảng thời Thanh” trong *Đông phương học* số 71, 1986); 山本進『清代の市場構造と経済政策』名古屋大学出版会, 2002, pp.157-175 (Yamamoto Susumu, *Cấu trúc thị trường và chính sách kinh tế thời Thanh*, Nagoya, Nxb Nagoya, 2002).
- (44) 閻彩琴「17世紀中期至19世紀初越南華商研究 (1640-1802)」厦門大学博士学位論文, 2007, pp. 161-173 (Diêm Thái Cầm, “17 thế kỷ trung kỳ chí 19 thế kỷ sơ Việt Nam Hoa thương nghiên cứu (1640-1802)”, Luận án tiến sĩ của Đại học Hạ Môn, 2007).
- (45) Iioka Naoko, “The Rise and Fall of the Tonkin-Nagasaki Silk Trade during the Seventeenth Century,” tldd; Iioka Naoko, “The Trading Environment and the Failure of Tongking’s Mid-Seventeenth-Century Commercial Resurgence,” tldd.
- (46) 和田博徳「清代のヴェトナム・ビルマ銀」(Wada Hironori, “Bạc Việt Nam và bạc Miến Điện thời nhà Thanh”, tldd).
- (47) Về quản lý giao thông của nhà Thanh, xin xem 孫宏年『清代中越宗藩關係研究』(Tôn Hoàng Niên, *Thanh đại Trung Việt tôn phiên quan hệ nghiên cứu*), sđd.

- (48) Fujiwara Riichiro, "The Regulation of the Chinese Under the Trinh Regime and Pho Hien", tđđ.
 (49) Mỏ bạc Tống Tinh và phố Bắc Cạn đều ở châu Bạch Thông (白通州). 和田博徳「清代のヴェトナム・ビルマ銀」 (Wada Hironori, "Bạc Việt Nam và bạc Miến Điện thời nhà Thanh", tđđ; Fujiwara Riichiro, "The Regulation of the Chinese Under the Trinh Regime and Pho Hien", tđđ).

TÓM TẮT

Vào thế kỷ XVIII, hoạt động thương mại giữa Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam, nhất là vùng Đông Bắc ngày càng phồn thịnh, đó là: Có tới hàng chục nghìn người Hoa tham gia vào việc khai mỏ ở miền núi phía Bắc Việt Nam; ở Lạng Sơn, phố Kỳ Lừa đã trở thành một phố chợ, bao gồm chợ và khu dân cư xung quanh nó. Ở giai đoạn trước đó (nửa sau thế kỷ XVII) là thời kỳ thương nhân Quảng Đông bắt đầu mở rộng hoạt động thương mại của họ sang tỉnh Quảng Tây dọc theo tuyến sông. Trong bối cảnh đó, phố Kỳ Lừa đã trở thành địa điểm trung gian giữa Thăng Long và Quảng Tây, đồng thời là nơi buôn bán các sản phẩm Việt Nam. Các hoạt động giao thương trên của người Hoa ở khu vực Đông Bắc Việt Nam đã đưa tới những ảnh hưởng sâu sắc đến xã hội bản địa lúc bấy giờ.

Có thể nói, hoạt động giao thương giai đoạn nửa sau thế kỷ XVII là giai đoạn tiền đề, chuẩn bị cho sự phát triển thương mại phồn thịnh giữa Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam trong thế kỷ XVIII.

ABSTRACT

INTERNAL TRADE BETWEEN THE NORTHEAST REGION OF VIETNAM AND GUANGXI - CHINA IN THE SECOND HALF OF THE 17th CENTURY

In the 18th century, trading activity between Guangxi and Northern Vietnam, especially in the Northeast region, was strongly growing; tens of thousands of Chinese people were involved in mining in the mountainous areas in Northern Vietnam. In Lạng Sơn, Kỳ Lừa Street has become a town, including the market and residential areas around it. In the earlier period (the second half of the 17th century), Guangdong merchants began to expand their trade to Guangxi along the rivers. In that context, Kỳ Lừa Street became an intermediate site between Thăng Long Capital and Guangxi, as well as a place for trading Vietnamese products. Trading activities of Chinese merchants in Northeast Vietnam brought about profound influence on the local society at that time.

It can be said that trading activities in the second half of the 17th century were the basic precondition to preparing for the trading development between Guangxi and Northern Vietnam in the 18th century.